TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 108/2025/DS-PT
Ngày: 10 - 6 - 2025
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thắm.

Các Thẩm phán: Ông Thái Văn Hà

Ông Phan Minh Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thuý Nga là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tú Oanh – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 27/2025/TLPT-DS ngày 07 tháng 3 năm 2025 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 18/2025/DS-ST ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Toà án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 85/2025/QĐ-PT ngày ngày 08 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị Từ T, sinh ngày: 22/04/1964; quê quán: xã P, huyện T, tỉnh Bình Định; CCCD số: 052164007093 do Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 06/5/2024; cư trú: 18 P, TP ., tỉnh Bình Định. (Có mặt).

2. Bị đơn:

2.1. Bà Nguyễn Thị Thúy N, sinh ngày: 06/01/1971; quê quán: xã C, huyện P, tỉnh Bình Định; CCCD số: 001171032724 do Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 30/5/2022; cư trú: 144 Đô Đốc B, TP ., tỉnh Bình Định. (Có mặt).

Đại diện theo uỷ quyền của bà Nguyễn Thị Thúy N là ông Nguyễn Đình T1; cư trú: 6 T, phường T, Quận A, TP .. (Theo văn bản uỷ quyền ngày 27/9/2024) (vắng mặt).

2.2. Ông Lê Văn H, sinh ngày: 01/01/1972; quê quán: xã M, huyện P, tỉnh Bình Định; CCCD số: 052072003728 do Cục cảnh sát Quản lý hành chính về

trật tự xã hội cấp ngày 21/4/2022; cư trú: 144 Đô Đốc B, TP ., tỉnh Bình Định. Đại diện theo uỷ quyền của ông Lê Văn H là ông Nguyễn Đình T1; cư trú: 6 T, phường T, Quận A, TP .. (Theo văn bản uỷ quyền ngày 27/9/2024). (Vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Phí Duy G, cư trú: 9 L, phường A, TP ., TP ..

Đại diện theo uỷ quyền của ông Phí Duy G là ông Lê Viết H1; cư trú tại B C P, phường F, quận B, thành phố Hồ Chí Minh. (Theo văn bản uỷ quyền ngày 24/8/2024). (Vắng mặt).

3.2. Bà Lê Thu H2, nơi cư trú: G N, xã A, TP ., TP ..

Đại diện theo uỷ quyền của bà Lê Thu H2 là ông Lê Viết H1; cư trú tại B C P, phường F, quận B, thành phố Hồ Chí Minh. (Theo văn bản uỷ quyền ngày 24/8/2024). (Vắng mặt).

3.3. Công ty TNHH L. Địa chỉ trụ sở chính: số A Đô Đốc B, phường L, TP ., tỉnh Bình Định.

Đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn H; nơi cư trú: A Đô Đốc B, TP ., tỉnh Bình Định.

Đại diện theo uỷ quyền của Công ty TNHH L là ông Nguyễn Đình T1; nơi cư trú: 6 T, phường T, Quận A, TP .. (Theo văn bản uỷ quyền số 02/2024/GUQ ngày 27/9/2024). (Vắng mặt).

4. Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Thúy N và ông Lê Văn H là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24 tháng 6 năm 2024 và các lời khai tiếp theo nguyên đơn bà Lê Thị Từ T *trình bày:*

Giữa bà với bà N, ông H có quan hệ quen biết nhau qua làm ăn. Tháng 7/2023, bà N có đặt vấn đề mượn tiền bằng hình thức góp vốn ký hợp đồng góp vốn vào Công ty TNHH L. Tuy nhiên, trong quá trình mượn tiền bà N chỉ đưa tài khoản cá nhân tên của bà N chứ không phải tài khoản của Công ty TNHH L1 bà không tham gia hợp đồng góp vốn mà chỉ cho mượn tiền theo hợp đồng mượn tiền hai bên ký vào ngày 21/6/2023 thông qua các giao dịch chuyển tiền qua ngân hàng. Giao dịch được hai bên xác nhận qua hình thức tin nhắn và hình ảnh giao dịch thành công trên ứng dụng Zalo. Giao dịch chuyển tiền từng lần một sẽ được xác nhận ngay giữa hai bên. Bà N, ông H vay với tư cách cá nhân và mỗi lần chuyển tiền cho bà N mượn bà đều ghi nội dung Lê Thị T2 T chuyển tiền cho Nguyễn Thị Thúy N mượn, có đầy đủ các chứng từ chuyển tiền giữa tiền của bà với bà N. Nội dung giao dịch giữa hai bên từ số điện thoại của bà là: 0905785389 còn của bà N là: 0977067767 hoặc 0906564799. Bà khẳng định không có giao dịch bằng hình thức góp vốn Công ty TNHH L. Đến ngày 29/12/2023 bà N mời bà đến nhà xác nhận có nhận tiền, hứa hẹn đủ điều vì bà nghĩ bà N lợi dụng Công ty lừa đảo bà nhưng nhiều lần Công an đều trả lời bằng văn bản đây là giao dịch dân sự nên hướng dẫn bà qua Toà án để khởi kiện. Việc

bà N nói góp vốn là không đúng vì số tiền bà cho mượn từ 5.000.000.000 đồng cho đến 10.000.000.000 đồng còn thực tế có thời điểm bà N mượn bà số tiền nhiều hơn rồi cuối tuần trả bớt, sau mượn lại đầu tuần cứ lặp đi lặp lại nhiều tuần và nhiều lần như vậy. Số tiền biến động liên tục nên không thể gọi là góp vốn. Bà không có tên trong danh sách góp vốn của Công ty TNHH L. Việc bà gửi đơn đến Cơ quan Cảnh sát điều tra tỉnh Bình Định và Sở Kế hoạch tỉnh B được các Cơ quan giải thích bản chất sự việc này là dân sự, nợ cá nhân của ông Lê Văn H và bà Nguyễn Thị Thúy N nên đã hướng dẫn bà khởi kiện dân sự đối với cá nhân ông H và bà N. Ngày 29/12/2023, bà N và ông H qua 144 Đô Đốc Bảo chốt lại công nợ phần nợ riêng của bà là 10.600.000.000 đồng. Do đó, bà khởi kiện yêu cầu ông H, bà N trả cho bà số tiền 10.600.000.000 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Lê Thị T2 T đồng ý trừ khoản tiền 2.800.000.000 đồng (làm tròn) do ông H, bà N chuyển khoản nhiều lần qua tài khoản của tại Ngân hàng TMCP N1, Ngân hàng TMCP Đ và 800.000.000 đồng bà T nhận từ ông Lê Viết H1 vào số nợ gốc ông H, bà N nợ nên chỉ yêu cầu trả lại cho bà số tiền 7.000.000.000 đồng .

Bị đơn bà Nguyễn Thị Thúy N *và đại diện theo ủy quyền của ông* Lê Văn H *là ông* Nguyễn Đình T1 *trình bày:*

Trong quá trình thực hiện việc góp vốn đầu tư vào Công ty Lê Nguyễn H3, ông H, bà N đã thay mặt Công ty L2 cho bà T số tiền nhiều đợt thông qua 02 (hai) số tài khoản của bà T là 0051000552201 tại Ngân hàng V và số tài khoản 58010000290067 tại B với số tiền tổng cộng là hơn 2.800.000.000 đồng. Đính kèm là sao kê tài khoản ngân hàng của bà N để thể hiện số tiền đã hoàn trả. Liên quan đến việc chúng tôi chuyển nhượng tài sản thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U714456, vào sổ cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số 022147/12B QSDĐ/2002 do UBND quận B, TP . cấp ngày 13/8/2022 (cập nhật ngày 20/11/2019) cho bên nhận chuyển nhượng là ông Phí Duy G và bà Lê Thu H2. Ngày 26/6/2024, Tòa án đã ban hành Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 04/2024/QĐ-BPKCTT ngày 26/6/2024 đối với nhà đất nêu trên. Vừa qua, ông Lê Viết H1 – đại diện theo uỷ quyền bên nhận chuyển nhượng có thông báo cho ông H, bà N biết việc bà T đã tự ý liên hệ với bên nhận chuyển nhượng và buộc bên nhận chuyển nhượng trả cho bà T số tiền là 800.000.000 đồng theo Biên bản giao nhận tiền ngày 27/9/2024. Ông Lê Viết H1 đề nghị ông H, bà N làm việc với bà T để cấn trừ số tiền 800.000.000 đồng này vào khoản nợ mà bà T đang khởi kiện. Ông H, bà N sẽ hoàn trả lại cho ông Phí Duy G và bà Lê Thu H2 số tiền đã giao cho bà T. Vì vậy, ông H, bà N đề nghị bà T phải công nhận số tiền 800.000.000 đồng mà bà nhận từ ông Lê Viết H1 dùng để cấn trừ cho khoản nợ mà bà T đang yêu cầu khởi kiện trong vụ án này để ông H, bà N có cơ sở hoàn trả cho ông Lê Viết H1. Như vậy, theo trình bày ở trên, tổng số tiền mà ông H, bà N đã thay mặt Công ty L đã hoàn trả cho bà T là 3.600.000.000 đồng trong khoản tiền mà ông H, bà N đã nhận góp vốn vào Công ty Lê Nguyễn H3 từ bà T. Ông H, bà N đã nộp đơn đề nghị Toà án chuyển hồ sơ vụ án lên Toà án nhân dân tỉnh Bình Định để giải quyết theo thẩm

quyền. Do vụ án này tranh chấp giữa các thành viên Công ty X từ Hợp đồng góp vốn ngày 07/7/2023 giữa bà T và Công ty L.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phí Duy G *và bà* Lê Thu H2 *trình bày:*

Ngày 19/6/2024, ông bà có nhận chuyển nhượng căn nhà số C đường P, phường11, quận B, TP ., trên Thửa đất số 60 (thửa cũ 4-794), tờ bản đồ số 2 (tờ bản đồ cũ: 02 – sơ đồ nền), diện tích 60m2, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 022147/12B do UBND quận B cấp ngày 13/8/2022. Bên chuyển nhượng là ông Lê Văn H và bà Nguyễn Thị Thúy N theo Hợp đồng CNQSDĐ số 5620 ngày 19/6/2024 tại Phòng C, TP .. Ông bà (bên nhận chuyển nhượng) đã nhận giấy tờ chủ quyền đất, nhận bàn giao nhà đất và đã chuyển hết tiền cho bên chuyển nhượng theo Hợp đồng đã được ký Công chứng ngày 19/6/2024. Sau khi hoàn tất việc mua bán, bên mua đang tiến hành thủ tục sang tên thì được bà N thông báo rằng, ngày 24/6/2024, Toà án nhân dân TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định đã ban hành Thông báo về việc thụ lý vụ án số 160/TB-TLVA ngày 24/6/2024 về việc "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản" giữa nguyên đơn là bà Lê Thị Từ T với bị đơn là ông Lê Văn H và bà Nguyễn Thị Thúy N. Toà án nhân dân TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định ký ban hành Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 04/2024/QĐ-BPKCTT ngày 26/6/2024 về việc tạm ngừng cập nhật nội dung thay đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đối với căn nhà nêu trên. Thời điểm ông bà mua nhà của ông H, bà N không có văn bản phong toả nào của cơ quan thẩm quyền. Hiện nay Toà án đã ra Quyết định huỷ bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời số 05/2024/QĐ-BPKCTT ngày 27 tháng 9 năm 2024 nên anh chị không có ý kiến gì về tranh chấp giữa bà T với ông H, bà N yêu cầu Toà án hoà giải, xét xử vắng mặt ông bà. Tại Đơn đề nghị gửi Toà án ngày 10 tháng 01 năm 2025 ông Lê Viết H1 - đại diện theo uỷ quyền của ông G, bà H2 có ý kiến yêu cầu trừ số tiền 800.000.000 đồng bà T nhận của ông G, bà H2 giao vào số tiền ông H, bà N nợ bà T.

Đại diện theo uỷ quyền của Công ty TNHH L *là ông* Nguyễn Đình T1 *trình bày:*

Trong quá trình thực hiện việc góp vốn đầu tư vào công ty Lê Nguyễn H3, bà N đã thay mặt công ty hoàn trả cho bà T số tiền nhiều đợt thông qua 02 (hai) số tài khoản của bà T là 0051000552201 tại Ngân hàng V và số tài khoản 58010000290067 tại B với số tiền tổng cộng là hơn 2.800.000.000 đồng. Liên quan đến việc chuyển nhượng tài sản thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 714456, vào sổ cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số 022147/12B QSDĐ/2002 do Ủy ban nhân dân quận B, TP . cấp ngày 13/8/2022 (cập nhật cho chúng tôi ngày 20/11/2019) của bà N, ông H cho bên nhận chuyển nhượng là ông Phí Duy G và bà Lê Thu H2; liên quan đến việc thực hiện việc chuyển nhượng này thì Tòa án đã ban hành Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 04/2024/QĐ-BPKCTT ngày 26/6/2024 đối với nhà đất nêu trên. Ông Lê Viết H1 – đại diện bên nhận chuyển nhượng có thông báo cho bà N, ông H biết việc bà T đã tự ý liên hệ với bên nhận chuyển nhượng và buộc bên nhận chuyển

nhượng trả cho bà T số tiền là 800.000.000 đồng theo Biên bản giao nhận tiền ngày 27/9/2024. Ông Lê Viết H1 đã đề nghị ông H, bà N làm việc với bà T để cấn trừ số tiền 800.000.000 đồng này vào khoản nợ mà bà T đang khởi kiện; qua đó có cơ sở để ông H, bà N sẽ hoàn trả lại cho ông H1 số tiền đã giao cho bà T. Công ty L đề nghị Tòa án xem xét và chấp nhận đề nghị của ông H, bà N. Như vậy, tổng số tiền mà bà N, ông H đã thay mặt Công ty L chúng tôi hoàn trả cho bà T là 3.600.000.000 đồng. Công ty L không đồng ý với lời khai của nguyên đơn, xác định lại rõ khoản tiền mà bà T khởi kiện xuất phát từ hợp đồng góp vốn ngày 07/7/2023.

Bản án dân sự sơ thẩm số 18/2025/DS-ST ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Toà án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, Quyết định:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Từ T.

1.1 Buộc bà Nguyễn Thị Thúy N và ông Lê Văn H trả cho bà Lê Thị T2 T số tiền nợ gốc còn lại là 7.000.000.000 đồng.

1.2. Ghi nhận thoả thuận của bà Lê Thị Từ T, ông Lê Văn H và bà Nguyễn Thị Thúy N khấu trừ 2.800.000.000 đồng tiền ông H, bà N chuyển khoản cho bà T vào số nợ gốc 10.800.000.000 đồng ông H, bà N nợ bà T.

1.3 Ghi nhận thoả thuận của bà Lê Thị Từ T, ông Lê Văn H và bà Nguyễn Thị Thúy N với ông Phí Duy G và bà Lê Thị H4 khấu trừ 800.000.000 đồng bà T nhận từ ông G, bà H4 vào số nợ gốc 10.800.000.000 đồng ông H, bà N nợ bà T.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí dân sự sơ thẩm, chi phí định giá và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

- Ngày 24 tháng 01 năm 2025, bà Nguyễn Thị Thúy N và ông Lê Văn H là bị đơn kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm yêu cầu Tòa án phúc thẩm không chấp nhận nội dung khởi kiện của nguyên đơn và xác định số tiền nợ là của Công ty TNHH L.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Trong quá trình tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng; đồng thời đề nghị đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của ông Lê Văn H, không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thúy N, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về sự có mặt của các bên đương sự: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Viết H1 là người đại diện theo ủy quyền của ông Phí Huy G1 và bà Lê Thu H2 đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý

do. Căn cứ vào khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt.

[1.2] Bị đơn ông Lê Văn H là người kháng cáo đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ vào khoản 3 Điều 296 và khoản 2 Điều 312 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của ông H.

[2] Xét nội dung kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Thúy N, thấy rằng:

[2.1] Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm cũng như phiên tòa phúc thẩm bà Lê Thị Từ T với bà Nguyễn Thị Thúy N, ông Lê văn H và Công ty TNHH L3 là bà Nguyễn Thị Thúy N và ông Lê Văn H còn nợ bà Lê Thị Từ T số tiền 10.600.000.000 đồng nhưng đã trả được 2.800.000.000 đồng và đối trừ số tiền 800.000.000 đồng mà ông Phí Duy G và bà Lê Thu H2 đã giao cho bà T. Như vậy, hiện nay bà N ông H5 còn nợ bà T 7.000.000.000 đồng. Tuy nhiên, bà N và ông H cho rằng khoản tiền này là khoản tiền góp vốn để kinh doanh khách sạn, thời hạn góp vốn là 02 năm và cung cấp bản hợp đồng góp vốn ngày 07/7/2023 tính đến thời điểm khởi kiện thì thời hạn góp vốn chưa hết nên bà T khởi kiện là không có căn cứ. Bà T thừa nhận bà có ký hợp đồng góp vốn ngày 07/7/2023. Tuy nhiên, các bên đương sự không tiến hành các thủ tục pháp lý liên quan để hoàn tất việc bà T trở thành thành viên Công ty TNHH L.

Xét thấy, bà Tâm giao D chuyển tiền từng lần một sẽ được xác nhận ngay giữa hai bên theo đúng nội dung thoả thuận tại Hợp đồng mượn tiền ngày 21 tháng 6 năm 2023. Do đó, có căn cứ xác định bà N, ông H vay với tư cách cá nhân thể hiện mỗi lần chuyển tiền cho bà N mượn bà đều ghi nội dung "Lê Thị T2 T chuyển tiền cho Nguyễn Thị Thúy N mượn". Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận lời trình bày của ông H, bà N cũng như Công ty TNHH L cho rằng số tiền nguyên đơn khởi kiện là tiền góp vốn là có căn cứ. Giao dịch vay tiền giữa bà T với ông H, bà N là giao dịch cá nhân với cá nhân nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà N, ông H phải trả 7.000.000.000 đồng cho bà T là phù hợp với quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự.

[2.2] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Thúy N, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội thì bà Nguyễn Thị Thúy N và ông Lê Văn H phải chịu 300.000 đồng.

[5] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của ông Lê Văn H, không chấp nhận nội dung kháng của bà Nguyễn Thị Thúy N, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 và khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ điều khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của ông Lê Văn H.

2. Không chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Thúy N. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 18/2025/DS-ST ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Toà án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

3. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Từ T.

3.1. Buộc bà Nguyễn Thị Thúy N và ông Lê Văn H phải trả cho bà Lê Thị T2 T số tiền nợ gốc còn lại là 7.000.000.000 đồng (bảy tỷ đồng).

3.2. Ghi nhận thoả thuận của bà Lê Thị Từ T, ông Lê Văn H và bà Nguyễn Thị Thúy N khấu trừ 2.800.000.000 đồng tiền ông H, bà N chuyển khoản cho bà T vào số nợ gốc 10.800.000.000 đồng ông H, bà N nợ bà T.

3.3 Ghi nhận thoả thuận của bà Lê Thị Từ T, ông Lê Văn H và bà Nguyễn Thị Thúy N với ông Phí Duy G và bà Lê Thị H4 khấu trừ 800.000.000 đồng bà T nhận từ ông G, bà H4 vào số nợ gốc 10.800.000.000 đồng ông H, bà N nợ bà T.

4. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thúy N và ông Lê Văn H phải chịu 115.000.000 đồng (một trăm mươi lăm triệu đồng).

Hoàn trả cho bà Lê Thị T2 Tâm tiền tạm ứng án phí đã nộp 59.300.000 đồng (năm mươi chín triệu ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0001153 ngày 24 tháng 6 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quy Nhơn.

Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Thúy N và ông Lê Văn H phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ 300.000 đồng vào biên lai thu số 0001186 ngày 12/02/2025 của chi cục thi hành án thành phố Quy Nhơn.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Về nghĩa vụ thi hành án:

6.1. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi

hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

6.2. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Định;
- TAND thành phố Quy Nhơn;
- CCTHADS thành phố Quy Nhơn;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, HCTP, Tòa dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Thắm